

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HẬU GIANG**

Số: 36 /2008/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Vị Thanh, ngày 13 tháng 8 năm 2008

QUYẾT ĐỊNH

**Sửa đổi, bổ sung chế độ chi tiêu hành chính, sự nghiệp
và miễn thu Quỹ An ninh quốc phòng; Quỹ Phòng chống
lụt, bão trên địa bàn tỉnh Hậu Giang**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;
Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002;
Căn cứ Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2003 của
Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách Nhà nước;
Căn cứ Nghị định số 38/2006/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2006 của
Chính phủ về bảo vệ dân phố;

Căn cứ Quyết định số 93/2007/QĐ-TTg ngày 22 tháng 6 năm 2007 của
Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế
một cửa liên thông tại cơ quan hành chính Nhà nước ở địa phương;

Căn cứ Chỉ thị số 24/2007/CT-TTg ngày 01 tháng 11 năm 2007 của
Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường chấn chỉnh việc thực hiện các quy
định của pháp luật về phí, lệ phí, chính sách huy động và sử dụng các khoản đóng góp
của nhân dân;

Căn cứ Thông tư số 57/2007/TT-BTC ngày 11 tháng 6 năm 2007 của
Bộ Tài chính quy định chế độ chi tiêu đón tiếp khách nước ngoài vào làm việc
tại Việt Nam, chi tiêu tổ chức các hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam và
chi tiêu tiếp khách trong nước;

Căn cứ Nghị quyết số 16/2005/NQ-HĐND ngày 15 tháng 12 năm 2005
của HĐND tỉnh Hậu Giang về việc đào tạo nguồn nhân lực sau đại học trong và
ngoài nước cho tỉnh Hậu Giang giai đoạn 2006-2010 và những năm tiếp theo;

Căn cứ Nghị quyết số 06/2008/NQ-HĐND ngày 27 tháng 6 năm 2008
của Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang về ban hành mức thu học phí; bổ sung
chế độ chi hành chính sự nghiệp và chính sách miễn thu Quỹ An ninh quốc
phòng; Quỹ Phòng chống lụt bão trên địa bàn tỉnh Hậu Giang;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung chế độ chi tiêu hành chính, sự nghiệp trên địa
bàn tỉnh Hậu Giang, cụ thể như sau:

1. Bổ sung khoản 1 Điều 1 của Quyết định số 18/2007/QĐ-UBND ngày
09 tháng 8 năm 2007 của UBND tỉnh Hậu Giang về sửa đổi, bổ sung chế độ
chi tiêu hành chính, sự nghiệp trên địa bàn tỉnh Hậu Giang, như sau:

Mức thu học phí của Trường Cao đẳng Cộng đồng và Trường Trung cấp nghề:

- Mức thu học phí hệ Cao đẳng vừa học vừa làm: 1.800.000 đồng/sinh viên/năm.

- Mức thu học phí hệ Trung cấp chính quy: 1.000.000 đồng/sinh viên/năm.

- Mức thu học phí hệ Trung cấp vừa học vừa làm: 1.200.000 đồng/sinh viên/năm.

- Mức thu học phí hệ Trung cấp nghề: 50.000đ/học sinh/tháng.

2. Bổ sung Phụ lục 1 về chế độ chi tiêu của ngành giáo dục - đào tạo (Ban hành kèm theo Quyết định số 68/2005/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2005 của UBND tỉnh Hậu Giang về việc ban hành chế độ chi tiêu hành chính, sự nghiệp trên địa bàn tỉnh Hậu Giang), như sau:

- Hỗ trợ sinh hoạt phí cho đối tượng được cử đi đào tạo sau đại học ở nước ngoài (học viên là cán bộ công chức, viên chức Nhà nước và học viên không phải là cán bộ công chức, viên chức trong biên chế của tỉnh được cấp có thẩm quyền cử đi học) ***đính kèm phụ lục số 1.***

- Hỗ trợ tiền bảo hiểm y tế cho đối tượng được cử đi đào tạo sau đại học ở nước ngoài (học viên là cán bộ công chức, viên chức Nhà nước và học viên không phải là cán bộ công chức, viên chức trong biên chế của tỉnh được cấp có thẩm quyền cử đi học) - ***đính kèm phụ lục số 2.***

- Hỗ trợ cho học viên 300.000 đồng/người/tháng trong thời gian ôn tập và học tập trong nước cho đối tượng được cử đi đào tạo sau đại học ở nước ngoài được cấp có thẩm quyền cử đi học.

- Hỗ trợ tiền tàu, xe 01 lượt đi và về/năm học theo chế độ quy định đối với đối tượng được cử đi đào tạo sau đại học trong nước.

- Hỗ trợ kinh phí hoạt động cho Ban điều hành là 6.000.000 đồng/tháng.

- Chế độ này áp dụng cho cả đối tượng hiện đang học sau đại học trong và ngoài nước theo Đề án 160.

Nguồn kinh phí để thực hiện các chế độ này được bố trí trong dự toán ngân sách hàng năm theo Đề án 160 của tỉnh.

3. Quy định mức chi tiền ăn cho lực lượng trực tại cơ quan công an, quân sự xã, phường, thị trấn là 20.000 đồng/người/ ngày đêm.

Nguồn kinh phí từ nguồn ngân sách Nhà nước và từ các nguồn huy động khác thực hiện đúng theo nguyên tắc tự nguyện, theo đúng quy định pháp luật.

4. Quy định mức phụ cấp hàng tháng cho Bảo vệ dân phố:

Mức phụ cấp hàng tháng cho lực lượng bảo vệ dân phố như sau:

- Mức phụ cấp 420.000 đồng/người/tháng đối với chức danh Trưởng ban;

- Mức phụ cấp 350.000 đồng/người/tháng đối với chức danh Phó ban;

- Mức phụ cấp 150.000 đồng/người/tháng đối với chức danh Tổ trưởng;

- Mức phụ cấp 130.000 đồng/người/tháng đối với chức danh Tổ phó;

- Mức phụ cấp 105.000 đồng/người/tháng đối với chức danh Tổ viên;

- Các Tổ trưởng, Tổ phó và Tổ viên nếu có tham gia trực ngày, đêm tuần tra, công tác thì được hưởng mức tiền trực là 10.000 đồng/người/ngày, đêm nhưng không quá 10 ngày, đêm/người/tháng.

Riêng các chức danh chuyên trách và không chuyên trách tại phường, thị trấn và khu vực, nếu kiêm nhiệm thêm các chức danh bảo vệ dân phố thì được hưởng thêm 10% phụ cấp kiêm nhiệm theo mức lương hoặc mức phụ cấp cao nhất mà các chức danh này đang hưởng.

Nguồn kinh phí từ nguồn ngân sách Nhà nước và từ các nguồn huy động khác thực hiện đúng theo nguyên tắc tự nguyện, theo đúng quy định pháp luật.

5. Quy định về đối tượng và mức phụ cấp đối với cán bộ, công chức làm việc tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả:

Quy định về số lượng và mức phụ cấp đối với cán bộ, công chức làm việc tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả như sau:

- Về số lượng: cấp xã là 426 người; cấp huyện là 79 người; cấp tỉnh là 90 người - **đính kèm phụ lục số 3.**

- Về mức phụ cấp: mức phụ cấp là 200.000 đồng/người/tháng đối với tất cả cán bộ, công chức làm việc tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả.

Cán bộ, công chức làm việc tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả ở các cấp nếu đã hưởng phụ cấp này thì không hưởng chế độ trả lương làm thêm giờ quy định tại Thông tư liên tịch số 08/2005/TTLT-BNV-BTC ngày 05 tháng 01 năm 2005 của liên Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính.

Nguồn kinh phí để thực hiện chế độ này bố trí trong dự toán được giao hàng năm của đơn vị, địa phương.

6. Chế độ chi tiếp khách trong và ngoài nước:

6.1. Chế độ tiếp khách nước ngoài, hội thảo quốc tế tổ chức tại địa phương:

Về đối tượng và định mức chi của chế độ này được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 57/2007/TT-BTC ngày 11 tháng 6 năm 2007 của Bộ Tài chính quy định chế độ chi tiêu đón tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam, chi tiêu tổ chức các hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam và chi tiêu tiếp khách trong nước.

6.2. Chế độ tiếp khách trong nước:

a) Mức chi tiếp khách:

- Đối với khách đến làm việc tại cơ quan, đơn vị: chi nước uống với mức tối đa không quá 10.000 đồng/người/ngày.

- Chi mời cơm thân mật: các cơ quan, đơn vị không tổ chức chi chiêu đãi, mời cơm đối với đoàn khách trong nước đến làm việc tại cơ quan, đơn vị mình; trường hợp xét thấy cần thiết thì có thể tổ chức mời cơm khách theo mức chi tiếp khách tối đa không quá 150.000 đồng/1 suất.

b) Mức chi tiếp khách trong nước theo quy định trên là mức tối đa, căn cứ khả năng ngân sách và tình hình thực tế ở đơn vị, địa phương, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị căn cứ vào dự toán ngân sách được giao quyết định cụ thể mức chi nhưng không được vượt quá mức chi tối đa nêu trên và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

c) Các doanh nghiệp Nhà nước được vận dụng quy định tại Thông tư số 57/2007/TT-BTC ngày 11 tháng 6 năm 2007 của Bộ Tài chính để thực hiện chi tiếp khách nước ngoài, hội nghị, hội thảo quốc tế, tiếp khách trong nước phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh của đơn vị.

Nguồn kinh phí thực hiện chế độ chi tiếp khách nước ngoài, hội thảo quốc tế và chi tiếp khách trong nước bố trí trong dự toán được giao hàng năm của đơn vị, địa phương.

Điều 2. Miễn thu Quỹ An ninh quốc phòng và Quỹ Phòng chống lụt, bão trên địa bàn tỉnh Hậu Giang cho tất cả các đối tượng, bao gồm: tổ chức (cơ sở sản xuất, kinh doanh; đơn vị hành chính, sự nghiệp), cá nhân và hộ gia đình.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký. Bãi bỏ Quyết định số 09/2005/QĐ-UBND ngày 11 tháng 3 năm 2005 của UBND tỉnh Hậu Giang về việc ban hành Quy định về việc lập, quản lý và sử dụng Quỹ Quốc phòng, an ninh ở xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Hậu Giang và Quyết định số 13/2005/QĐ-UBND ngày 14 tháng 4 năm 2005 của UBND tỉnh Hậu Giang ban hành Quy chế lập Quỹ Phòng, chống lụt, bão trên địa bàn tỉnh.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở, Thủ trưởng cơ quan Ban, ngành tỉnh; Chủ tịch UBND huyện, thị xã và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- VPCP;
- Bộ Tài chính;
- Cục kiểm tra văn bản-BTP;
- TT. TU, TT. HĐND, TT.UBND tỉnh;
- UBMTTQ, Đoàn thể tỉnh;
- VP.Đoàn ĐBQH và HĐND;
- Như Điều 4;
- Cơ quan Báo, Đài;
- Công báo tỉnh;
- Phòng VBTT- STP;
- Lưu: VT, NCTH. TB.

QD/UBND che do chi tieu 2008

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Thắng



HOẠT PHÍ CỦA HỌC SINH THEO ĐỀ ÁN 160

theo Quyết định số: 36 /2008/QĐ-UBND ngày 13 tháng 8 năm 2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang)

Tên nước	Mức SHP (USD/1HS/1tháng)
Ấn Độ	350
Trung quốc	350
Đài Loan	350
Campuchia, Lào	170
Mông Cổ	170
Hàn Quốc, Singapore, Hồng Kông	500
Tháilan, Philipin, Malaysia	300
Ba Lan	400
Bungary	400
Hungary	400
Séc	400
Slôvakia	400
Rumani	400
Ucraina, Bêlarútchia	400
Nga	400
Cuba	170
Các nước Tây Bắc âu	740 EURO
Mỹ, Canada, Anh, Nhật Bản	1.000
Úc, New Zealand	860
Ai cập	450

MỨC BẢO HIỂM Y TẾ ĐỐI VỚI HỌC SINH THEO ĐỀ ÁN 160
 (Kèm theo Quyết định số: 36 /2008/QĐ-UBND ngày 13 tháng 8 năm 2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang)

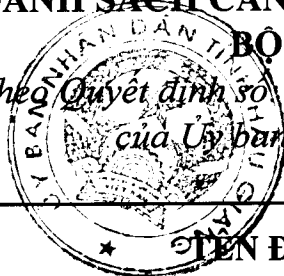


Nước học	USD/LHS/năm
Cămpuchia, Lào	150
Balan, Bêlarútchia, Ucraina	150
Các nước Tây âu và Bắc âu	900 EUR
Nhật Bản	410
Úc và New Zealand	300
Mỹ, Canada, Anh	1.000

Ghi chú: Đối với một số nước không liệt kê trong Phụ lục này sẽ được xem xét từng trường hợp cụ thể theo qui định.

**DANH SÁCH CÁN BỘ LÀM VIỆC TRỰC TIẾP TẠI
BỘ PHẬN MỘT CỦA**

*(Đính kèm theo Quyết định số 36 /2008/QĐ-UBND ngày 13 tháng 8 năm 2008
của Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang)*



STT	TÊN ĐƠN VỊ	SỐ LƯỢNG (người)
I	Cấp tỉnh	57
1	Sở Kế hoạch và Đầu tư	03
2	Sở Xây dựng	05
3	Sở Tài nguyên và Môi trường	04
4	Sở Lao động Thương binh và Xã hội	06
5	Sở Nội vụ	03
6	Sở Công thương	05
7	Sở Tư pháp	03
8	Sở Tài chính	04
9	Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn	03
10	Sở Văn hóa Thông tin	02
11	Sở Y tế	04
12	Sở Giáo dục và Đào tạo	05
13	Sở Khoa học và Công nghệ	01
14	Sở Giao thông - Vận tải	04
15	Thanh tra tỉnh	03
16	Văn phòng UBND tỉnh	02
II	Cấp huyện	30
1	Một cửa thị xã Ngã Bảy	03
2	Thị xã Vị Thanh	05
3	Huyện Phụng Hiệp	05
4	Huyện Vị Thủy	04
5	Huyện Long Mỹ	03
6	Huyện Châu Thành	05
7	Huyện Châu Thành A	05
III	Công an tỉnh	33
1	Bộ phận cấp thị thực; cấp đổi gia hạn hộ chiếu	05
2	Bộ phận cấp, đổi giấy CMND và Hộ khẩu	07
3	Bộ phận đăng ký các loại phương tiện vận tải	06
4	Bộ phận thu phạt hành chính	10
5	Bộ phận tra cứu hồ sơ xuất cảnh, hồ sơ CMND	05
IV	Công an huyện, thị xã	49
1	Thị xã Ngã Bảy	08

STT	TÊN ĐƠN VỊ	SỐ LƯỢNG (người)
	Bộ phận cấp, đổi giấy CMND và Hộ khẩu	02
	Bộ phận đăng ký các phương tiện vận tải	02
	Bộ phận thu phạt hành chính	04
2	Thị xã Vị Thanh	08
	Bộ phận cấp, đổi giấy CMND và Hộ khẩu	02
	Bộ phận đăng ký các phương tiện vận tải	02
	Bộ phận thu phạt hành chính	04
3	Huyện Phụng Hiệp	06
	Bộ phận cấp, đổi giấy CMND và Hộ khẩu	02
	Bộ phận đăng ký các phương tiện vận tải	01
	Bộ phận thu phạt hành chính	03
4	Huyện Châu Thành	07
	Bộ phận cấp, đổi giấy CMND và Hộ khẩu	02
	Bộ phận đăng ký các phương tiện vận tải	02
	Bộ phận thu phạt hành chính	03
5	Huyện Châu Thành A	06
	Bộ phận cấp, đổi giấy CMND và Hộ khẩu	02
	Bộ phận đăng ký các phương tiện vận tải	01
	Bộ phận thu phạt hành chính	03
6	Huyện Long Mỹ	07
	Bộ phận cấp, đổi giấy CMND và Hộ khẩu	02
	Bộ phận đăng ký các phương tiện vận tải	02
	Bộ phận thu phạt hành chính	03
7	Huyện Vị Thủy	07
	Bộ phận cấp, đổi giấy CMND và Hộ khẩu	02
	Bộ phận đăng ký các phương tiện vận tải	02
	Bộ phận thu phạt hành chính	03
V	71 xã, phường, thị trấn	426